

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - NINH BÌNH
Bản án số: 14 /2026/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị L, sinh năm 1995. Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hoá (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị L: ông Vũ Đình H, luật sư, công ty Luật TNHH CABAS thuộc đoàn luật sư Hà Nội

2. Bị đơn: anh Phạm Đình L1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Y, tỉnh Ninh Bình; nơi làm việc xưởng đá mỹ nghệ A, phố V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 1 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Đình L1 được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào năm 2013. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Phạm Đình L1 có lỗi

sống ăn chơi, tiêu khiển hư hỏng, trái với luân thường đạo lý, thể hiện là người ăn chơi thường xuyên dẫn bạn về nhà tụ tập ăn chơi, không quan tâm đến vợ con. Do cách sống như vậy nên đến tháng 12/2023 vợ chồng ly thân chị Lê Thị L mang theo con về nhà ngoại ở tỉnh Thanh Hoá để ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Phạm Đình L1.

Về con chung:chị và anh Phạm Đình L1 có hai con chung, cháu Phạm Thế L, sinh ngày 06/11/2013 và cháu Phạm Phương A, sinh ngày 14/9/2019. Sau khi ly thân cháu L và cháu Phương A đang ở cùng với chị, ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Phạm Đình L1 phải góp phí tồn nuôi con.

Về chia tài sản chung và công nợ:chị và anh Phạm Đình L1 không có tài sản chung nênkhông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh Phạm Đình L1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố L, phường Y, tỉnh Ninh Bình, anh Phạm Đình L1 làm việc tại tổ dân phố V, phường N, tỉnh Ninh Bình. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Phạm Đình L1 không hợp tác đến Toà án làm việc để thể hiện quan điểm của mình về việc chị Lê Thị L xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39;Điều 227; Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị L,xử cho chịLê Thị Lđược Ly hôn vớianhPhạm Đình L1;

1.1 Về con chung: giao cháu Phạm Thế L, sinh ngày 06/11/2013 và cháu Phạm Phương A, sinh ngày 14/9/2019 cho chị Lê Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.2Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Đình L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:chịLê Thị Lphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chịLê Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000199 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Đình L1 có địa chỉ nơi cư trú tại tổ dân phố L, phường Y, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Phạm Đình L1. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị Lê Thị L, anh Phạm Đình L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào năm 2013. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Lê Thị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Phạm Đình L1 đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị L làm đơn xin ly hôn anh Phạm Đình L1. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị Lê Thị L, anh Phạm Đình L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào năm 2013, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do Anh Phạm Đình L1 có lối sống ăn chơi, tiêu khiển hư hỏng, trái với luân thường đạo lý, thể hiện là người ăn chơi thường xuyên dẫn bạn về nhà tụ tập ăn chơi, không quan tâm đến vợ con. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng là do anh Phạm Đình L1 thường xuyên tụ tập bạn bè, qua trích xuất camera chị Lê Thị L phát hiện anh Phạm Đình L1 có quan hệ không Lê Thị L mạnh, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do cách sống như vậy nên đến tháng 12/2023 vợ chồng ly thân chị Lê Thị L mang theo con về nhà ngoại ở tỉnh Thanh Hoá để ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Phạm Đình L1.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Đình L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phạm Đình L1 căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị L, anh Phạm Đình L1 có 2 con chung: cháu Phạm Thế L, sinh ngày 06/11/2013 và cháu Phạm Phương A,

sinh ngày 14/9/2019 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị Lê Thị L, ly hôn chị Lê Thị L đề nghị xin được nuôi cả hai cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của chị Lê Thị L là chính đáng việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, hơn nữa hiện nay anh Phạm Đình L1 thường xuyên không có mặt ở địa phương, thì việc nuôi các cháu là không thể. Vì vậy giao cháu Phạm Thế L, sinh ngày 06/11/2013 và cháu Phạm Phương A, sinh ngày 14/9/2019 cho chị Lê Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lê Thị L không yêu cầu anh Phạm Đình L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị L và anh Phạm Đình L1 không có tài sản chung và nợ chung, do đó chị Lê Thị L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Lê Thị L ly hôn với anh Phạm Đình L1.

2. Về con chung: giao cho chị Lê Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu: Phạm Thế L, sinh ngày 06/11/2013 và cháu Phạm Phương A, sinh ngày 14/9/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Đình L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lê Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 0000199 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Đình L1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2 – Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Hoa Lư –
Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, vp.

Phan Ngọc Hà